

Chính sách phát triển bền vững và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam

Lý Hoàng Mai^(*)

Tóm tắt: Phát triển bền vững (PTBV) là một trong những định hướng quan trọng trong chiến lược phát triển quốc gia được nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bài viết nêu lên một số quan điểm về PTBV; rà soát khung chính sách liên quan đến PTBV ở Việt Nam; đánh giá thực trạng PTBV của Việt Nam qua 3 trụ cột cơ bản về kinh tế, xã hội và môi trường, làm rõ những vấn đề đặt ra cho Việt Nam thời gian tới trong bối cảnh biến đổi khí hậu (BĐKH); từ đó, đề xuất một số khuyến nghị cho chính sách PTBV của Việt Nam.

Từ khóa: Phát triển bền vững, Chính sách phát triển bền vững, Biến đổi khí hậu, Việt Nam

Abstract: Sustainable development is highlighted in the documents of the 13th National Party Congress of Vietnam as a significant orientation in the national development strategy. The paper presents some perspectives on sustainable development, analyzing the policy framework related to sustainable development in Vietnam, and assessing the situation of sustainable development in Vietnam in terms of economic, social and environmental aspects, especially challenges posed by climate changes in the coming time. Some recommendations for Vietnam's sustainable development policy are also proposed.

Keywords: Sustainable Development, Policies for Sustainable Development, Climate Change, Vietnam

1. Mở đầu

Sau hơn 30 năm tiến hành đổi mới kinh tế, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong tăng trưởng kinh tế. Từ một quốc gia trong nhóm những quốc gia nghèo của thế giới, Việt Nam đã vươn lên trở thành nước có thu nhập trung bình thấp. Song hiện nay, BĐKH đã làm giảm tính bền vững trong tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Thịnh

vượng về kinh tế cần đi đôi với bền vững về môi trường và nâng cao tính hiệu quả của việc thực thi các chính sách. Do vậy, PTBV là yêu cầu cấp thiết đối với Việt Nam trong thời gian tới.

2. Một số quan điểm về phát triển bền vững trên thế giới

Thuật ngữ “phát triển bền vững” xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1980 trong ấn phẩm *Chiến lược Bảo tồn Thế giới* (công bố bởi Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên Quốc tế - IUCN) với quan điểm như sau: “Sự phát triển của nhân

^(*) TS., Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: lymaivkt@gmail.com

loại không nên chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học” (IUCN, 1980).

Đến năm 1987, trong Báo cáo *Tương lai chung của chúng ta* của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới - WCED (nay là Ủy ban Brundtland), quan điểm về PTBV được xem là: “Sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn thương đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai” (WCED, 1987). Quan điểm PTBV này coi trọng việc sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo đảm môi trường sống cho con người.

Nội hàm về PTBV được tái khẳng định tại Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và phát triển (tại Rio de Janeiro, Brazil) năm 1992. Theo đó, PTBV được coi là: “Sự phát triển thỏa mãn những nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm hại đến khả năng đáp ứng những nhu cầu của thế hệ tương lai” (UN, 1992).

David A. Munro (1995) coi bền vững phải là tiêu chuẩn chính để đánh giá sự phát triển. PTBV trên thực tế phải bao gồm: bền vững hệ sinh thái (sức khỏe hệ sinh thái), bền vững xã hội (truyền thống và hiện tại) và bền vững về kinh tế (lợi ích và chi phí). Munro cũng cho rằng, bền vững không phải là một mục tiêu mà là một tiêu chuẩn đối với quan điểm và hành động. Đó là một quá trình tiếp diễn có tính lặp đi lặp lại.

Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về PTBV (tại Johannesburg, Cộng hòa Nam Phi) năm 2002 đã bổ sung, hoàn chỉnh nội hàm về PTBV, coi PTBV là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ và hài hòa giữa 3 mặt của sự phát triển, gồm: phát triển kinh tế (nhất là tăng trưởng kinh tế), phát triển xã hội (nhất là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; xóa đói giảm nghèo và

giải quyết việc làm), bảo vệ môi trường (nhất là xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; phòng chống cháy rừng và chặt phá rừng; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên) (UN, 2002). Đây cũng là khái niệm được sử dụng trong bài viết này.

Để đạt được các mục tiêu PTBV, một số học giả cho rằng, cần có sự đồng thuận để giảm bớt các yếu tố chính trị trong việc ra quyết định bằng cách thiết lập ra một cơ chế với sự tham gia của nhiều bên. Do vậy, có 4 nhân tố tạo nên PTBV là môi trường, kinh tế, xã hội và thể chế. Trong đó, thể chế được coi là nhân tố dẫn đến đồng thuận cho sự PTBV; thể chế được coi như chất keo kết dính phản ánh mối quan hệ giữa 3 trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường (Trần Quốc Toàn, 2018; Phùng Hữu Phú, 2019).

3. Quan điểm, định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam

Việt Nam luôn tích cực tham gia vào tiến trình thực hiện PTBV trên thế giới, mục tiêu PTBV luôn được thể hiện trong các chủ trương, đường lối của Đảng và các chính sách của Nhà nước. Các văn kiện của Đảng đã có nhiều nội dung gắn với PTBV.

Văn kiện Đại hội X của Đảng (năm 2006) đã đề ra quan điểm PTBV dựa trên 3 khía cạnh: kinh tế, xã hội và môi trường. Ở khía cạnh *kinh tế*: Phấn đấu tăng trưởng kinh tế với nhịp độ nhanh, chất lượng cao và bền vững hơn, gắn với phát triển con người. Ở khía cạnh *xã hội*: Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục... giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Ở khía cạnh *môi trường*: Phát triển nhanh phải đi đôi với nâng cao tính bền vững, hai mặt

tác động lẫn nhau, được thể hiện ở cả tầm vĩ mô và vi mô, ở cả tầm ngắn hạn và dài hạn... Phải rất coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường ngay trong từng bước phát triển (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006).

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) coi: “Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011).

Theo *Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020*: “Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu... Phát triển nhanh và bền vững phải luôn gắn chặt với nhau trong quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế - xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011).

Đại hội XIII (năm 2021) tiếp tục đề ra nhiệm vụ: “đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đất nước nhanh, bền vững” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Để có thể thực hiện được các quan điểm, đạt được các mục tiêu PTBV nêu trên, đã có nhiều khung chính sách được ban hành và thực thi.

Năm 2004, Thủ tướng Chính Phủ ban hành Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17/8/2004 về *Định hướng Chiến lược Phát triển bền vững ở Việt Nam* (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam). Chương trình này đưa ra 8 nguyên tắc chính, trong đó nguyên tắc coi con người là trung tâm của PTBV được đặt ra đầu tiên. Chương trình đưa ra

lĩnh vực hoạt động ưu tiên về kinh tế gồm (Xem: Thủ tướng Chính phủ, 2004):

- Duy trì tăng trưởng kinh tế nhanh và ổn định trên cơ sở nâng cao không ngừng tính hiệu quả, hàm lượng khoa học - công nghệ, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và cải thiện môi trường.

- Thay đổi mô hình và công nghệ sản xuất, mô hình tiêu dùng theo hướng sạch hơn và thân thiện với môi trường, dựa trên cơ sở sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên không tái tạo được, giảm tối đa chất thải độc hại và khó phân hủy, duy trì lối sống của cá nhân và xã hội hài hòa và gần gũi với thiên nhiên.

- Thực hiện quá trình “công nghiệp hóa sạch”, nghĩa là ngay từ ban đầu phải quy hoạch phát triển công nghiệp với cơ cấu ngành nghề, công nghệ, thiết bị bảo đảm nguyên tắc thân thiện với môi trường; tích cực ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm công nghiệp, xây dựng nền “công nghiệp xanh”.

- Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững. Trong quá trình phát triển sản xuất ngày càng nhiều hàng hóa theo yêu cầu của thị trường, phải bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm, bảo tồn và phát triển được các nguồn tài nguyên như: đất, nước, không khí, rừng và đa dạng sinh học.

- PTBV vùng và xây dựng các cộng đồng địa phương PTBV.

Tiếp theo, năm 2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 432/2012/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 phê duyệt *Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020*. Quyết định số 432 đã đưa ra các chỉ tiêu giám sát và đánh giá PTBV Việt Nam giai đoạn 2011-2020 gồm chỉ tiêu tổng hợp, chỉ tiêu về kinh tế, chỉ tiêu về xã hội, chỉ tiêu về tài nguyên và môi trường. Các định hướng ưu tiên nhằm PTBV trong giai đoạn 2011-2020 gồm: kinh tế, xã hội,

tài nguyên và môi trường. Nội dung định hướng về kinh tế tập trung vào 3 nhóm vấn đề (Xem: Thủ tướng Chính phủ, 2012):

+ Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

+ Đảm bảo an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững.

+ PTBV các vùng và địa phương: Trước hết tập trung ưu tiên phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, có khả năng bứt phá và dẫn dắt sự phát triển, đồng thời chú ý tới việc hỗ trợ các vùng kém phát triển và có điều kiện khó khăn hơn, nhằm tạo ra một sự cân đối nhất định trong phát triển không gian, từng bước thu hẹp khoảng cách về xã hội và tiến tới giảm bớt sự chênh lệch về kinh tế giữa các vùng và địa phương.

Đến năm 2017, Quyết định số 622/2017/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc *ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững* đề ra 17 mục tiêu và 115 mục tiêu cụ thể cũng như cách thức tổ chức thực hiện PTBV của Việt Nam đến 2030.

Những nội dung liên quan đến PTBV đã được Chính phủ lồng ghép xuyên suốt trong *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội* hằng năm, *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2021-2025* và *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030*.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng và ban hành *Hướng dẫn lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 của bộ, ngành và địa phương* (theo Quyết định số 2158/QĐ-BKHĐT) ngày 31/12/2019) và *Hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030* (theo Quyết định số 468/QĐ-BKHĐT

ngày 26/3/2020); theo dõi, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 và các mục tiêu PTBV trình Chính phủ, Quốc hội hằng năm. Nhiều mục tiêu PTBV đã và đang được thực hiện lồng ghép trong hệ thống chính sách phát triển quốc gia, từ các văn bản pháp luật cho đến chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chương trình hành động của các bộ, ngành và địa phương.

Năm 2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 *Về phát triển bền vững*, trong đó nêu quan điểm “PTBV là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia. Việc xây dựng, thực hiện các chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội phải đảm bảo yêu cầu PTBV” (Chính phủ, 2020).

4. Thực trạng phát triển bền vững ở Việt Nam và một số vấn đề đặt ra trong bối cảnh biến đổi khí hậu

** Thực trạng PTBV*

Việc triển khai tổ chức thực hiện *Chiến lược Phát triển bền vững* và các văn bản pháp luật có liên quan ở Việt Nam đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, thể hiện ở 3 trụ cột về PTBV như sau:

Về kinh tế: Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát luôn được kiểm soát ở mức thấp; các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) giai đoạn 2016-2019 đạt khá cao, ở mức bình quân 6,8%/năm, trong đó, khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ

tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt, đóng góp chủ yếu vào mức tăng trưởng chung. Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2016-2020 của khu vực công nghiệp và xây dựng ước đạt 7,45%, khu vực dịch vụ đạt 6,2%; tỷ trọng khu vực công nghiệp và dịch vụ (bao gồm xây dựng) theo giá sản xuất trong GDP tăng từ mức 82,6% năm 2015 lên 84,8% năm 2020. Các cân đối lớn của nền kinh tế về tích lũy - tiêu dùng, tiết kiệm - đầu tư, năng lượng, lương thực, lao động - việc làm,... tiếp tục được bảo đảm, góp phần củng cố vững chắc nền tảng kinh tế vĩ mô. Tỷ lệ tích lũy tài sản so với GDP theo giá hiện hành đến năm 2020 khoảng 26,7% (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Về xã hội: Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực, xuất khẩu lao động có bước đột phá, an sinh xã hội được quan tâm thực hiện và bảo đảm. Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi duy trì ở mức thấp và giảm dần. Tỷ lệ thất nghiệp tại khu vực thành thị giảm từ mức 3,37% năm 2015 xuống còn khoảng 3,1% năm 2019. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 được triển khai mạnh mẽ, chuyển từ cách tiếp cận đơn chiều sang đa chiều, tập trung vào nhóm, hộ nghèo nhất. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của cả nước đã giảm từ 9,88% cuối năm 2015 xuống dưới 3% vào năm 2020, bình quân giai đoạn 2016-2020 giảm trên 1,4%/năm. Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng dân tộc thiểu số được tăng cường. Đời sống người dân không ngừng được cải thiện; tạo sinh kế và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Về môi trường: Công tác bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển rừng được quan tâm hơn. Hoạt động

xử lý nước thải, chất thải rắn đã được tăng cường thực hiện và giám sát. Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đến năm 2020 đạt khoảng 90%, dân số nông thôn sử dụng nguồn nước ăn uống hợp vệ sinh ước đạt 90,2%, tăng mạnh so với năm 2015 (86,2%). Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường năm 2020 là 90%. Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2020 khoảng 42% (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

** Vấn đề đặt ra đối với PTBV trong bối cảnh BĐKH*

Về kinh tế: BĐKH gây ra những thiệt hại lớn về kinh tế, đe dọa sự PTBV của Việt Nam. Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP) đã đánh giá Việt Nam là một trong 5 quốc gia trên thế giới dễ bị tổn thương nhất do quá trình BĐKH. Trong vòng 3 thập niên qua, mỗi năm ước tính những tổn thất do thiên tai gây ra cho Việt Nam vào khoảng 1,5% GDP. Là quốc gia có đường bờ biển dài trên 3.000 km, các hoạt động kinh tế, vận tải trên biển, ven biển, đánh bắt hải sản của Việt Nam thường xuyên chịu tác động trực tiếp của các cơn bão hình thành từ Thái Bình Dương (một trong 5 ổ bão lớn nhất thế giới); trung bình hằng năm có từ 11 đến 12 cơn bão và áp thấp nhiệt đới trên biển Đông, trong đó 5 đến 6 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền. Các hiện tượng thời tiết cực đoan diễn ra ngày càng phức tạp, gia tăng cả về mức độ lẫn cường độ. BĐKH gây thiệt hại lớn về người và tài sản, đồng thời tăng nhanh qua từng giai đoạn, từng năm. Trên phạm vi cả nước, ước tính giai đoạn 2010-2019 BĐKH đã làm thiệt hại khoảng 206.739 tỷ đồng. Tổng thiệt hại do thiên tai và BĐKH gây ra trong giai đoạn 2010-2019 đã tăng

2,25 lần so với giai đoạn 2001-2009 (Dẫn theo: Bùi Nhật Quang, 2020: 349).

Về xã hội: BĐKH làm ảnh hưởng đến nguồn lực sinh kế và hoạt động sinh kế của người nghèo. Điều này gây nên những tác động xấu về mặt xã hội, vì hiện nay 90% người nghèo và 94% người nghèo cùng cực của Việt Nam đang sinh sống ở khu vực nông thôn. Tác động tiêu cực của BĐKH đã khiến hoạt động sản xuất nông nghiệp (sinh kế chính của người nghèo) bị thiệt hại do năng suất giảm và tư liệu sản xuất là đất đai bị thu hẹp. Người nghèo thiếu vốn, thiếu đất và thiếu kỹ năng lao động. Khi các hiện tượng thời tiết cực đoan xảy ra, họ là những đối tượng chịu tổn thương nhiều nhất về kinh tế, điều này làm giảm tính bền vững trong phát triển xã hội và là nguyên nhân gây bất bình đẳng thu nhập. Theo một nghiên cứu của UNDP, số người nghèo đa chiều mới năm 2018 ở đồng bằng sông Hồng chỉ chiếm 0,4%, nhưng Tây Nguyên là 13,9% (cao gấp 34,75 lần), trung du và miền núi phía Bắc cũng chiếm tỷ lệ cao với 12,3%, đồng bằng sông Cửu Long là 11,3%. Tỷ lệ nghèo đa chiều mới năm 2018 của người Kinh chỉ chiếm 3,7%, trong khi đó tỷ lệ này ở các nhóm dân tộc thiểu số cao hơn rất nhiều, cụ thể: trong nhóm người HMông là 61,0%, trong nhóm người Dao là 29,1%, trong nhóm người Khmer là 17,1%, trong nhóm người Thái là 9,8% và tỷ lệ này ở nhóm các dân tộc khác là 30,7% (UNDP, 2019: 12).

Về môi trường: Việt Nam là một trong những nước có mức đa dạng sinh học cao nhất trên thế giới, song kinh tế lại phụ thuộc nhiều vào khai thác tài nguyên. Mặc dù Việt Nam đã cam kết và nỗ lực thực hiện giải quyết vấn đề BĐKH và đảm bảo bền vững môi trường, song mô hình kinh tế - xã hội của nước ta vẫn gây ra phát thải lượng

khí nhà kính lớn, làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy thoái môi trường. Là một quốc gia nhỏ trên bản đồ thế giới khi xếp thứ 68 về diện tích, nhưng dân số tương đối đông khi đứng thứ 15 trên thế giới, Việt Nam gặp nhiều nguy cơ ảnh hưởng đến PTBV. Việt Nam hiện đứng thứ 4 thế giới về rác thải nhựa, lên đến 1,83 triệu tấn/năm. Chỉ riêng ô nhiễm không khí đã khiến Việt Nam mất đi 5,18% GDP trong năm 2013. Mức độ phát thải khí CO₂ năm 2020 đã tăng 12,32% so với năm 2010. Mục tiêu đặt ra trong Chiến lược Tăng trưởng xanh là lượng phát thải khí nhà kính giảm 8-10% vào năm 2020 không những không đạt được mà lượng phát thải còn tiếp tục tăng. Than đá vẫn là nguồn phát thải lớn nhất (Theo: Bùi Nhật Quang, 2020: 349).

5. Kết luận và khuyến nghị

Từ những phân tích ở trên có thể thấy, BĐKH đã tác động xấu đến tăng trưởng kinh tế, xã hội và môi trường của Việt Nam, đe dọa việc thực hiện các mục tiêu PTBV. Để các mục tiêu PTBV “về đích kịp thời”, trong thời gian tới Việt Nam cần điều chỉnh chính sách PTBV theo các hướng sau:

Đối với các chính sách kinh tế: Ban hành và thực thi các chính sách để thực hiện kinh tế tuần hoàn. Nền kinh tế tuần hoàn mô tả một hệ thống kinh tế dựa vào các mô hình kinh doanh thay thế khái niệm “kết thúc vòng đời” bằng việc giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và thu hồi các nguyên liệu trong các quá trình sản xuất/phân phối và tiêu dùng ở các cấp độ vi mô (sản xuất, các doanh nghiệp, người tiêu dùng), cấp độ trung gian (các khu công nghiệp sinh thái), cấp độ vĩ mô (thành phố, vùng, quốc gia và rộng hơn nữa), với mục tiêu đạt được PTBV, bảo đảm chất lượng môi trường sống, sự thịnh vượng về kinh tế và công bằng xã hội, đáp ứng lợi ích hiện tại và tương lai.

Kinh tế tuần hoàn là một xu hướng PTBV đạt được cả 2 mục tiêu: ứng phó với sự cạn kiệt của tài nguyên đầu vào và tình trạng ô nhiễm môi trường trong phát triển ở đầu ra.

Để thực hiện được kinh tế tuần hoàn, Việt Nam cần chuẩn bị những điều kiện cần thiết sau:

+ Tạo lập thể chế cho việc thực hiện kinh tế tuần hoàn mà ở đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ chốt, Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, người dân giữ vai trò thực hiện;

+ Thành lập những điểm “đầu tàu” để phát triển và lan tỏa kinh tế tuần hoàn bao gồm: doanh nghiệp kiểu mẫu, khu công nghiệp kiểu mẫu, thành phố kiểu mẫu;

+ Xây dựng các tiêu chí để thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kinh tế tuần hoàn ở các doanh nghiệp và các khu công nghiệp;

+ Hình thành và phát triển các loại thị trường để vận hành kinh tế tuần hoàn như thị trường thông tin, thị trường tái chế (giấy, kim loại);

+ Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động để người dân và doanh nghiệp thấy được vai trò quan trọng của kinh tế tuần hoàn.

Đối với các chính sách xã hội: Đa dạng hóa thu nhập cho người dân bằng cách giảm bớt sự phụ thuộc kinh tế vào các hoạt động sản xuất nông nghiệp theo các hướng sau:

+ Thiết lập cơ chế hỗ trợ đặc biệt cho người dân chuyển đổi sang các hoạt động sản xuất phi nông nghiệp ở những vùng chịu tác động nặng nề của BĐKH;

+ Xây dựng các chương trình hỗ trợ, tạo việc làm cho những người lao động thuộc nhóm yếu thế.

Đối với các chính sách môi trường:

+ Xây dựng khung khổ pháp lý cho các hoạt động ứng phó với BĐKH;

+ Xây dựng các chương trình mục tiêu quốc gia để ứng phó với BĐKH, trong

đó có những chương trình cụ thể cho một số ngành kinh tế chịu tác động nhiều của BĐKH như công nghiệp, nông nghiệp, năng lượng... Trong các ngành này, cần có những nghiên cứu chuyên sâu về đánh giá tác động và những đề xuất giải pháp để giảm thiểu tổn thương và nâng cao năng lực thích ứng;

+ Lồng ghép các chương trình ứng phó với BĐKH như là một cấu phần của các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia như chương trình nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo...;

+ Lồng ghép quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với BĐKH vào các chương trình phát triển (với vốn ODA hoặc vốn vay) □

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2020), *Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Về Phát triển bền vững*, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=509&_page=1&mode=detail&document_id=201074, truy cập ngày 21/3/2021.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*.
5. IUCN (1980), *World Conservation Strategy-Living Resource Conservation for Sustainable Development*, IUCN, Gland, Switzerland.
6. Munro, David A. (1995), “Sustainability: Rhetoric or Reality?”, In: *A Sustainable World*, edited by

- Thaddeus C. Trzyna, with the assistance of Julia K. Osborn, International Center for the Environment and Public Policy, California.
7. Phùng Hữu Phú (2019), *Một số vấn đề cốt yếu về xây dựng thể chế phát triển nhanh - bền vững*, <https://www.moha.gov.vn/danh-muc/mot-so-van-de-cot-yeu-ve-xay-dung-the-che-phat-trien-nhanh-ben-vung-41238.html>, truy cập ngày 24/4/2021.
 8. Bùi Nhật Quang (2020), *Kinh tế thế giới và Việt Nam 2019-2020: cùng cố nền tảng, vượt lên thách thức*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 9. Thủ tướng Chính phủ (2004), *Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17/8/2004 về việc ban hành Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam)*.
 10. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 432/2012/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020*.
 11. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững*.
 12. Trần Quốc Toàn (2018), *Thể chế phát triển nhanh, bền vững và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong giai đoạn mới*, <http://hdl.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/the-che-phat-trien-nhanh-ben-vung-va-nhung-van-de-dat-ra-doi-voi-viet-nam-trong-giai-doan-moi.html>, truy cập ngày 24/4/2021.
 13. UN (1992), *United Nations Conference on Environment and Development*, Rio de Janeiro, Brazil.
 14. UN (2002), *Report of the World Summit on Sustainable Development*, Johannesburg, South Africa.
 15. UNDP (2019), *Báo cáo phát triển con người năm 2019: Bất bình đẳng trong phát triển con người ở thế kỷ XXI*, Báo cáo tóm tắt dành cho Việt Nam, tr. 12-13.
 16. WCED (1987), *Our Common Future*, Oxford University Press, Oxford.
 17. World Bank (2006), *World Development Report 2006 - Equity and Development*, <http://documents.worldbank.org/curated/en/435331468127174418/pdf/322040World0Development0Report02006.pdf>, truy cập ngày 24/4/2021.